TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 526/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26/9/2025
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Rỹ;
2. Ông Đỗ Quang Hòa.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Võ Thị Bạch Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1, địa chỉ: Số 126 đường Lê Quyên, phường Chánh Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 299/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh) về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 260/2025/QĐXXST–HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 306/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Trương Ngọc N, sinh năm 1986
Hộ khẩu thường trú: Số A đường HG, Phường M2, Quận S (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ nơi ở: Số B đường HG, Phường M1, Quận S (nay là phường BP), Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1985
Hộ khẩu thường trú: Số C đường P, phường X1, Quận T (nay là phường PĐ), Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ nơi ở: Số D đường N, Phường M6, Quận T (nay là phường PĐ), Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/3/2025, các bản tự khai và tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn là bà Lê Trương Ngọc N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thành T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M2, Quận T (nay là phường PĐ), Thành

phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45, quyển số 01/2010, ngày 05/4/2010. Trong quá trình chung sống, bà và ông T có nhiều bất đồng về quan điểm sống, lối sống, dần dần tình cảm vợ chồng không còn. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn với nhau, bà muốn được ổn định cuộc sống nên yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà và ông T có 01 (một) con chung là Nguyễn Thành L, sinh ngày 18/7/2012, giới tính: Nam. Bà yêu cầu sau khi ly hôn, giao cho bà trực tiếp nuôi trẻ Nguyễn Thành L, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng hoặc phương thức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung khác: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà tự nguyện chịu toàn bộ.

Bà yêu cầu Tòa án không tiếp tục tiến hành hòa giải do ông T đã được Tòa án thông báo và triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có thiện chí cùng bà giải quyết các vấn đề về quan hệ hôn nhân của cả hai trong vụ án này. Bà yêu cầu Tòa án đưa vụ án ra xét xử để bà được ổn định đời sống tinh thần.

Bà thống nhất với các tài liệu, chứng cứ mà Thẩm phán đã công bố, không nộp thêm tài liệu, chứng cứ khác và không có yêu cầu nào khác. Bà cam kết toàn bộ những tài liệu đã nộp cho Tòa án là đúng sự thật khách quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các tài liệu đã nộp. Bà yêu cầu Tòa án không tiếp tục tiến hành hòa giải do bị đơn là ông Nguyễn Thành T đã được Tòa án thông báo và triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có thiện chí cùng bà giải quyết các vấn đề về quan hệ hôn nhân của cả hai trong vụ án này.

Bị đơn là ông Nguyễn Thành T được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự để trình bày ý kiến, thông báo và giấy triệu tập đương sự tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn là bà Lê Trương Ngọc N trình bày: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn là ông Nguyễn Thành T được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi đến Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án đến khi đưa ra xét xử và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Lê Trương Ngọc N và ông Nguyễn Thành T là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại phường Phú Định, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Bị đơn là ông Nguyễn Thành T được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi đến Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 45, quyển số 01/2010, ngày 05/4/2010 của Ủy ban nhân dân Phường M2, Quận T (nay là phường PĐ), Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Trương Ngọc N và ông Nguyễn Thành T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, bà Lê Trương Ngọc N trình bày quá trình chung sống, bà và ông T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, lối sống. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có khả năng hàn gắn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

Xét ông Nguyễn Thành T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án nên phải chịu hậu quả của việc không tuân thủ nghĩa vụ có mặt theo sự triệu tập của Tòa án theo quy định tại khoản 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Xét cuộc sống chung không đem lại hạnh phúc cho bà N, mục đích hôn nhân không đạt được, ông T không đến Tòa án để trình bày ý kiến và hòa giải, điều này thể hiện ông T không quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa ông và bà N. Vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ, gắn bó với nhau. Việc ly hôn là cần thiết để cả hai ổn định cuộc sống riêng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và

gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là bà Lê Trương Ngọc N để các đương sự ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Xét thấy bà Lê Trương Ngọc N và ông Nguyễn Thành T có 01 (một) con chung là Nguyễn Thành L, sinh ngày 18/7/2012, giới tính: Nam. Bà N yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được quyền nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Ông T không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến và không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giao cho bà Lê Trương Ngọc N trực tiếp nuôi trẻ Nguyễn Thành L. Trường hợp có tranh chấp về con chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung khác: Bà Lê Trương Ngọc N xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Thành T không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến và không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung khác sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 200, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Lê Trương Ngọc N.

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Lê Trương Ngọc N được ly hôn với ông Nguyễn Thành T.

- Về con chung: Giao cho bà Lê Trương Ngọc N trực tiếp nuôi con chung là trẻ Nguyễn Thành L, sinh ngày 18/7/2012, giới tính: Nam. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Trương Ngọc N về việc không yêu cầu ông Nguyễn Thành T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng hoặc phương thức cấp dưỡng nuôi con theo

quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung khác: Bà Lê Trương Ngọc N khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Nguyễn Thành T không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến và không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung khác sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

2. Về án phí: Bà Lê Trương Ngọc N phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0068684 ngày 14/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Trương Ngọc N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Lê Trương Ngọc N có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Thành T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết hợp lệ cho đương sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 10 - TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- UBND phường Phú Định, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Ngọc Yến